

/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/GODERE/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Godere

Địa chỉ trụ sở: 46 Quang Trung, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0911 265 999

Mã số doanh nghiệp: 6400364193

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 19/2021/NNPTNT-ĐNô;
Ngày cấp: 27/4/2021; Nơi cấp: Chi cục Phát triển Nông nghiệp – Sở Nông nghiệp tỉnh Đắk Nông.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Cà phê bột Blend (Robusta + Arabica)**

2. Thành phần: 100% Cà phê (Robusta; Arabica)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trực tiếp trong bao bì thực phẩm có in nhãn mác đầy đủ.

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói kín, không tiếp xúc với không khí bên ngoài. Khối lượng tịnh: 500g.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

CÀ PHÊ BỘT BLEND (ROBUSTA + ARABICA)

Tên cơ sở: Công ty cổ phần Godere

Địa chỉ trụ sở: 46 Quang Trung, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0911 265 999

- Các thành phần chính: 100% Cà phê (Robusta; Arabica) Không phụ gia thực phẩm.

- Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

+ Hàm lượng caffeine: ≥ 1

+ Độ ẩm: $\leq 5\%$

+ Hàm lượng chất tan trong nước: $\geq 25\%$

- Ngày sản xuất, hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD xem trên bao bì.

- Hướng dẫn sử dụng: Cho vào phin 03 muỗng cà phê bột (khoảng 25g). Lắc đều và ép nhẹ nắp gài bên trong. Châm khoảng 20 ml nước đun sôi (96°C - 100°C) vào phin cho cà phê ngấm và nở đều. Sau khoảng 2-3 phút, châm khoảng 45 ml nước sôi. Thêm đường, sữa hay đá tùy khẩu vị.

- Bảo quản: Nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp và đóng kín bao sau khi sử dụng.

- Định lượng: Cà phê bột được bao gói trong các túi có van một chiều khô sạch, chuyên dùng cho thực phẩm với khối lượng 500g/gói.



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **TCVN 5251: 2015:** Tiêu chuẩn Việt Nam về cà phê bột.
- **QCVN 8 – 1: 2011/BYT:** QCKTQG giới hạn ô nhiễm độc tố, vi nấm trong thực phẩm.
- **QCVN 8 – 2: 2011/BYT:** QCKTQG giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- **QBĐ 46/2007/QĐ-BYT:** Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi: Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
- Vị: Đặc trưng của sản phẩm
- Trạng thái: Dạng bột mịn, không vón cục
- Cà phê pha: Có màu đặc trưng của sản phẩm

2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ mịn		
	-Dưới rây Φ 0,56 mm	%	≥ 30
	-Trên rây Φ 0,25 mm	%	≤ 15
2	Độ ẩm	%	≤ 5
3	Hàm lượng Cafeine	%	$\geq 1,0$
4	Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric	%	$\leq 0,2$
5	Tỷ lệ chất tan trong nước	%	≥ 25

B. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 2,0$
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

C. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 2,0$
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

D. Độc tố vi nấm: QCVN 8-1: 2011/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	OchratoxinA	µg/kg	≤ 5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Gia Nghĩa, ngày 20 tháng 05 năm 2021
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Trần Đình Danh



**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN****VIỆT TÍN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu : 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM

Laboratory & Office : 39A, 4th street, Bình Trị Đông B ward, Bình Tân district, Ho Chi Minh city

Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986

Fax : (028) 3824 7013

Email : ktelviettin@gmail.com

Web : kiemnghiemviettin.com

Số/ No: 03093 2104/KQ

Mã số/ Code: 1254 2104

Mã số mẫu/ Sample code: 03975 2104

Trang/ Page: 1/ 2



VILAS 1074 VIMCERTS 211

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN GODERE**
Địa chỉ/ Address : 46 Quang Trung, phường Nghĩa Tân, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/04/2021 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 13/04/2021
Loại mẫu/ Kind of sample : Cà phê Số lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 mẫu
Tên mẫu/ Name of sample : **CÀ PHÊ BỘT BLEND (ROBUSTA+ARABICA)**
Tình trạng mẫu/ State of sample : Đựng trong bao bì kín

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Cảm quan			
	Màu sắc	TCVN 5251 : 2015	-Màu nâu đặc trung sản phẩm.	-
	Mùi, vị		-Mùi thơm, vị đặc trung sản phẩm, không có mùi vị lạ.	-
	Trạng thái		-Bột mịn, có tình trạng vón cục, dễ vỡ.	-
	Cà phê pha		-Cà phê pha có màu đặc trung sản phẩm.	-
2	Độ ẩm (*)	TCVN 7035 : 2002	0,68	%
3	Caffeine (*)	TCVN 9723 : 2013 (ISO 20481 : 2008)	2,16	%
4	Chất tan trong nước	AOAC 973.21	32,6	%
5	Tro không tan trong HCl 10%	TCVN 5253 : 1990	Không phát hiện (LOD=0,05)	%
6	Ochratoxin A	SOP.01-244 : 2020 (Ref. TCVN 8426 : 2010)	Không phát hiện (LOD=1,5)	µg/kg





CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu : 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office : 39A, 4th street, Bình Trị Đông B ward, Bình Tân district, Ho Chi Minh city
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013
Email : ktclviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com

Số/ No: 03093 2104/KQ
Mã số/ Code: 1254 2104
Mã số mẫu/ Sample code: 03975 2104
Trang/ Page: 2/ 2



VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
7	Arsen (As) (*)	AOAC 986.15	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg
8	Cadimi (Cd) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,0015)	mg/kg
9	Chì (Pb) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg
10	Thủy ngân (Hg) (*)	AOAC 974.14	Không phát hiện (LOD=0,015)	mg/kg
11	Độ mịn (dưới rây 0,56mm)	TCVN 10821 : 2015	40,1	%
	Độ mịn (trên rây 0,25mm)	TCVN 10821 : 2015	14,6	%

Ghi chú/ Notes:

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by:
- Bộ Y Tế - Cục An Toàn Thực Phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety ; Bộ Nông Nghiệp - Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **TCVN 5251: 2015:** Tiêu chuẩn Việt Nam về cà phê bột.
- **QCVN 8 – 1: 2011/BYT:** QCKTQG giới hạn ô nhiễm độc tố, vi nấm trong thực phẩm.
- **QCVN 8 – 2: 2011/BYT:** QCKTQG giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- **QĐ 46/2007/QĐ-BYT:** Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi: Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
- Vị: Đặc trưng của sản phẩm
- Trạng thái: Dạng bột mịn, không vón cục
- Cà phê pha: Có màu đặc trưng của sản phẩm

2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ mịn		
	-Dưới rây Φ 0,56 mm	%	≥ 30
	-Trên rây Φ 0,25 mm	%	≤ 15
2	Độ ẩm	%	≤ 5
3	Hàm lượng Cafeine	%	$\geq 1,0$
4	Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric	%	$\leq 0,2$
5	Tỷ lệ chất tan trong nước	%	≥ 25

B. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 2,0$
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

C. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 2,0$
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

D. Độc tố vi nấm: QCVN 8-1: 2011/BYT

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **TCVN 5251: 2015:** Tiêu chuẩn Việt Nam về cà phê bột.
- **QCVN 8 – 1: 2011/BYT:** QCKTQG giới hạn ô nhiễm độc tố, vi nấm trong thực phẩm.
- **QCVN 8 – 2: 2011/BYT:** QCKTQG giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- **QĐ 46/2007/QĐ-BYT:** Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi: Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
- Vị: Đặc trưng của sản phẩm
- Trạng thái: Dạng bột mịn, không vón cục
- Cà phê pha: Có màu đặc trưng của sản phẩm

2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ mịn		
	-Dưới rây Φ 0,56 mm	%	≥ 30
	-Trên rây Φ 0,25 mm	%	≤ 15
2	Độ ẩm	%	≤ 5
3	Hàm lượng Cafeine	%	$\geq 1,0$
4	Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric	%	$\leq 0,2$
5	Tỷ lệ chất tan trong nước	%	≥ 25

B. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 2,0$
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

C. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 2,0$
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

D. Độc tố vi nấm: QCVN 8-1: 2011/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	OchratoxinA	µg/kg	≤ 5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Gia Nghĩa, ngày 20. tháng 05. năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Trần Đình Danh

